TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 07 – 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Đản.
2. Ông Nguyễn Văn Mười

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên toà***: Ông Phạm Đức Bùi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2017/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/HSST - QĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Văn Đ.

Sinh ngày: 15/3/1963, tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 7/10. Nghề nghiệp: Làm nông.

Dân tộc: Thái. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: không;

Con ông: Lương Văn B (đã chết). Con bà Hà Thị X (Sinh năm 1929).

Hiện đang sinh sống tại: xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

Vợ: Phạm Thị T (Sinh năm 1966). Hiện đang sinh sống và làm nông tại: thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Con: Bị cáo có 03 con (Lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990).

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Lương Văn Đ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 7/10 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình làm nông tại xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1992 cùng gia đình chuyển vào sinh sống và làm nông tại thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho đến ngày phạm tội.

Lương Văn Đ bị tạm giữ và tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Năng từ ngày 14/9/2017 đến ngày 20/11/2017 được thay đổi biện pháp tạm giam cho

gia đình bảo lĩnh, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Phạm Thị T – Sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

* **Người làm chứng**:

- Đồng Hồng L – Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Hà Văn L1 – Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 8/9/2017, Lương Văn Đ mua của một người đàn ông, không rõ nhân thân lai lịch ở xã E 01 gói ma túy (Hêroin) với số tiền là 17.000.000 đồng, mục đích về bán lại để kiếm lời. Sau khi đem về nhà Đ lấy ra một ít ra, gói bằng túi nilong và bỏ vào chõng tre kê ở trước hiên nhà. Số còn lại Đ cất dấu tìm mối bán lại để kiếm lời. Khoảng 13 giờ ngày 14/9/2017, Đồng Hồng L gọi điện thoại cho Đ hỏi mua ma túy, Đ hẹn L ra cầu thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để bán ma túy cho L. Khoảng 14 giờ 05 phút cùng ngày, Đ bỏ số Hêrôin mua ngày 08/9/2017 vào trong ống tay áo khoác, bên trái và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47L6-3690 đi ra điểm hẹn, khi vừa đi cách nhà khoảng 300m thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Krông Năng bắt quả tang, thu giữ trong người Đ 01 một gói chất rắn màu trắng, được bọc bằng giấy nilong màu đen và được quấn bằng keo đen bên , khối lượng 11,2669 gam. Đ khai là Hêroin.

Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Lương Văn Đ, phát hiện tại chân chõng tre kê ở trước hiên nhà có một túi nilong màu đen, bên trong có chứa chất rắn màu trắng, khối lượng 0,0252 gam. Đ khai là Hêrôin.

Tại bản kết luận giám định số: 579/GĐMT-PC54 ngày 20/9/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 một gói chất rắn màu trắng, được bọc bằng giấy nilong màu đen và được quấn bằng keo đen bên ngoài là ma túy, loại ma túy Hêrôin, khối lượng 11,2669 gam; 01 túi ni lông màu đen, bên trong có chứa chất rắn màu trắng là ma túy, loại ma túy Hêrôin, khối lượng 0,0252 gam. Tổng số ma túy thu giữ trong người và tại nhà bị cáo là 11,2941g.

Tại kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Krông Năng, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Junon, màu đen xám, biển kiểm soát 47L6-3690 có giá trị là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án gồm: 10,7537 gam Hêrôin (Mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 xe mô tô hiệu Junon, màu đen xám, biển kiểm soát 47L6-3690; 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia kèm 02 sim.

Cáo trạng số 05/KSĐT – HS ngày 19/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo Lương Văn Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lương Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng giữ nguyên toàn bộ nội dung quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194 ; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Lương Văn Đ từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy".

- **Về hình phạt bổ sung**: Do bị cáo chưa thu lợi bất chính nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS, đề nghị tịch thu tiêu huỷ 10,7537 gam Hêrôin (Hoàn lại sau giám định)

Căn cứ khoản 1 Điều 41 BLHS, đề nghị tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia kèm 02 sim và giá trị ½ chiếc xe mô tô hiệu Junon, màu đen xám, biển kiểm soát 47L6 - 3690 mà bị cáo đã dùng để đi mua bán ma túy.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt, người bị hại không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như diễn biến hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo theo như nội dung bản cáo trạng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 8/9/2017, Lương Văn Đ đã mua 01 gói Hêroin với số tiền là 17.000.000 đồng, mục đích mua về để bán lại để kiếm lời. Ngày 14/9/2017 Đ đã mang một phần đi bán thì bị bắt quả tang, thu giữ trong người bị cáo 01 một gói Hêrôin, khối lượng 11,2669 gam. Quá trình khám xét khẩn cấp tại nhà bị cáo còn phát hiện 0,0252 gam Hêrôin giấu ở trong

chõng tre. Tổng khối lượng Hêroin thu giữ được là 11.2921 gam. Mục đích của bị cáo là mua ma túy về bán lại để kiếm lời, nên Viện kiểm sát xác định bị cáo có hành vi mua bán 11,2669 gam Hêroin và tàng trữ 0,0252 gam Hêrôin là không đúng, mà cần xác định bị cáo có mành vi mua bán trái phép tổng khối lượng Hêroin là 11.2921 gam.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lương Văn Đ đã có đủ yếu tố cấu thành tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 194 BLHS quy định:

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a)....

h) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;"

Hành vi phạm tội do bị cáo Lương Văn Đ thực hiện có tính nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Trong lúc cả xã hội đang tích cực đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy, tuy nhiên với bản chất lười lao động nhưng muốn thu lợi một cách bất chính, bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng lớn. Hành vi của bị cáo đã tiếp tay cho các đối tượng nghiện ma túy, dẫn tới sẽ phát sinh những tệ nạn khác, gây ảnh hưởng tới sức khỏe và sự phát triển của cả cộng đồng. Chính vì vậy việc xử lý nghiêm khắc bị cáo bằng pháp luật hình sự là hoàn toàn cần thiết và thỏa đáng, vì như vậy không chỉ có tác dụng trừng trị, cải tạo giáo dục bị cáo mà còn có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung trong cộng đồng. Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bảo đảm việc cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: HĐXX xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Thực hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, HĐXX sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi ấn định mức hình phạt cụ thể .

[4]. Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng Điều 30 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. Về các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 10,7537 gam Hêrôin (Mẫu vật hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu huỷ.

+ Đối với 01 điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA kèm 02 sim là công cụ bị cáo dùng để thực hiện tội pham nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Junon, màu đen xám, biển kiểm soát 47L6-3690: Đây là tài sản chung của bị cáo và vợ bị cáo là Phạm Thị T, bà T không biết việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ giá trị ½ chiếc xe và trả lại cho bà T ½ giá trị chiếc xe. Nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc Thi hành án dân sự.

[6]. Về án phí: Do xác định hành vi của bị cáo là phạm tội và phải chịu hình phạt nên cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2017 đến ngày 20/11/2017.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 1 Điều 30 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên phạt bị cáo Lương Văn Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khoản tiền phạt phải thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999, Điều 76 BLTTHS năm 1999:

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 10,7537 gam Hêrôin (Mẫu vật còn lại lại sau giám định).

- Tuyên tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia kèm 02 sim

- Tuyên tịch thu sung công quỹ ½ giá trị 01 chiếc xe mô tô hiệu Junon, màu đen xám, biển kiểm soát 47L6-3690 là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) do bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội. Tuyên trả cho bà Phạm Thị T ½

giá trị chiếc xe là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tiếp tục tạm giữ chiếc xe cho đến khi bị cáo hoàn thành nghĩa vụ dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lương Văn Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

BÙI NGỌC SAN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Bộ phận THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.